

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2016 thị xã Hương Trà**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;  
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ - CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh năm 2016; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng sang sử dụng vào mục đích khác để thực hiện các dự án năm 2016;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân thị xã Hương Trà tại Tờ trình số 270/TTr-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2016 và của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 47/TTr-STNMT ngày 04 tháng 3 năm 2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của thị xã Hương Trà với các chỉ tiêu sử dụng đất như sau:

**1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm 2016**

*Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng năm 2015		Kế hoạch năm 2016		Diện tích tăng (+), giảm (-)
		Diện tích	Cơ cấu (%)	Diện tích	Cơ cấu (%)	
<b>DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>		<b>51.710,48</b>	<b>100</b>	<b>51.710,48</b>	<b>100</b>	
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>39.923,95</b>	<b>77,21</b>	<b>39.728,28</b>	<b>76,83</b>	<b>-195,67</b>
1.1	Đất trồng lúa	3.734,38	7,22	3.677,14	7,11	-57,24
<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>		<i>3.449,12</i>	<i>6,67</i>	<i>3.391,88</i>	<i>6,56</i>	<i>-57,24</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	1.596,42	3,09	1.554,13	3,01	-42,29

1.3	Đất trồng cây lâu năm	4.170,15	8,06	4.155,13	8,04	-15,02
1.4	Đất rừng phòng hộ	11.816,79	22,85	11.813,79	22,85	-3,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	18.189,33	35,18	18.080,36	34,96	-108,97
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	329,59	0,64	328,84	0,64	-0,75
1.8	Đất làm muối	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	87,26	0,17	118,86	0,23	31,60
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>11.441,56</b>	<b>22,13</b>	<b>11.651,93</b>	<b>22,53</b>	<b>210,37</b>
2.1	Đất quốc phòng	101,82	0,20	101,82	0,20	0,00
2.2	Đất an ninh	1.699,31	3,29	1.699,88	3,29	0,57
2.3	Đất khu công nghiệp	68,89	0,13	68,89	0,13	-
2.4	Đất khu chế xuất	-	-	-	-	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	34,24	0,07	67,38	0,13	33,14
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	13,88	0,03	36,57	0,07	22,69
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	127,19	0,25	148,21	0,29	21,02
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	102,57	0,20	109,42	0,21	6,85
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	4.696,57	9,10	4.737,57	9,17	41,00
2.9.1	Đất giao thông	963,08	1,86	998,20	1,93	35,12
2.9.2	Đất thủy lợi	451,32	0,87	454,35	0,88	3,03
2.9.3	Đất công trình năng lượng	3.182,65	6,15	3.185,04	6,16	2,39
2.9.4	Đất công trình bưu chính viễn thông	1,13	-	1,13	-	-
2.9.5	Đất cơ sở văn hóa	0,95	-	0,95	-	-
2.9.6	Đất cơ sở y tế	7,52	0,01	7,39	0,01	-0,13
2.9.7	Đất cơ sở giáo dục	71,59	0,14	71,97	0,14	0,38
2.9.8	Đất cơ sở thể dục thể thao	14,47	0,03	14,68	0,03	0,21
2.9.9	Đất chợ	3,86	0,01	3,86	0,01	-
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	68,62	0,13	68,62	0,13	-
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	-	-	-	-	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,60	-	0,60	-	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	491,44	0,95	501,44	0,97	10,00
2.14	Đất ở tại đô thị	557,42	1,08	607,85	1,18	50,43
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	14,85	0,03	15,26	0,03	0,41
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	7,62	0,01	27,62	0,05	20,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	27,51	0,05	27,51	0,05	-
2.19	Đất làm nghĩa trang nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	881,71	1,71	885,55	1,71	3,84
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	241,03	0,47	245,63	0,48	4,60
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	9,38	0,02	10,95	0,02	1,57
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	9,09	0,02	9,09	0,02	-

2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	98,47	0,19	98,47	0,19	-
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.039,13	2,01	1.038,67	2,01	-0,46
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	1.143,37	2,21	1.131,08	2,19	-12,29
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	-	-	7,00	0,01	7,00
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>344,97</b>	<b>0,67</b>	<b>330,27</b>	<b>0,64</b>	<b>-14,70</b>
<b>4</b>	<b>Đất đô thị</b>	<b>15.838,53</b>	<b>30,63</b>	<b>15.838,53</b>	<b>30,63</b>	<b>-</b>

## 2. Kế hoạch thu hồi các loại đất năm 2016

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>117,64</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	46,87
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>46,87</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	25,58
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3,74
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	40,80
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,65
1.8	Đất làm muối	LMU	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	-
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>9,96</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	-
2.2	Đất an ninh	CAN	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	-
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	-
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	-
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2,27
2.9.1	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>2,07</i>
2.9.2	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>0,20</i>
2.9.3	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>-</i>
2.9.4	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>-</i>
2.9.5	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>-</i>
2.9.6	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>-</i>
2.9.7	<i>Đất cơ sở giáo dục</i>	<i>DGD</i>	<i>-</i>
2.9.8	<i>Đất cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>-</i>
2.9.9	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>-</i>

2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	-
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1,95
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	3,37
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	-
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	-
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	-
2.19	Đất làm nghĩa trang nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	2,10
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	-
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	-
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	-
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	-
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0,40
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,09
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-

### 3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2016

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>195,67</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	57,24
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>57,24</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	39,29
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	10,02
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	3,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	85,37
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,75
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	-
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>28,35</b>
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	-
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP	-
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	-
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU	-
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	-
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU	-

2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR(a)	-
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR(a)	-
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR(a)	23,60
2.10	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	4,75

#### 4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2016

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>-</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	-
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>-</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	-
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	-
1.8	Đất làm muối	LMU	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	-
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>14,70</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	-
2.2	Đất an ninh	CAN	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	5,03
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	-
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,89
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,08
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1,34
2.9.1	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1,01</i>
2.9.2	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>0,29</i>
2.9.3	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>-</i>
2.9.4	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>-</i>
2.9.5	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>-</i>
2.9.6	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>-</i>
2.9.7	<i>Đất cơ sở giáo dục</i>	<i>DGD</i>	<i>0,04</i>
2.9.8	<i>Đất cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>-</i>
2.9.9	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>-</i>
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	-

2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1,23
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	5,40
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	-
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	-
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	-
2.19	Đất làm nghĩa trang nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,33
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	-
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,40
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	-
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	-
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	-
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	-
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-

Nhu cầu sử dụng đất của các công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 thị xã Hương Trà được thể hiện tại Phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân thị xã Hương Trà có trách nhiệm:

1. Tổ chức công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

3. Tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

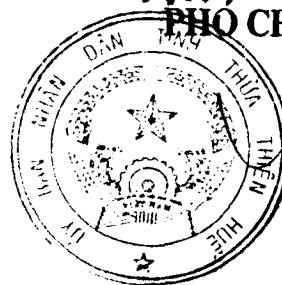
**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Hương Trà chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- TTHĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TNMT, KHĐT, NNPTNT, XD;
- HĐND và UBND thị xã Hương Trà;
- Phòng TNMT thị xã Hương Trà;
- VP: CVP, các PCVP và các CV;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, ĐC.

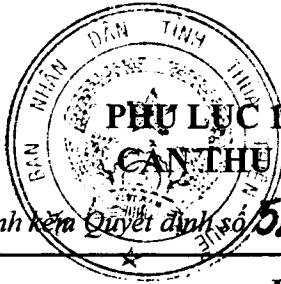
**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phan Ngọc Thọ**





**PHỤ LỤC 1: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN  
CẦN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN TRONG NĂM 2016**

(Đính kèm Quyết định số **527/QĐ-UBND** ngày **17/3/2016** của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm
<b>Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất theo Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND</b>			
1	Xây dựng đường Bê tông các Tổ dân phố của các phường	2.50	Các phường
2	Xây dựng đường vào khu dân cư Tứ Hạ Tổ dân phố 1 (Từ CMT8 đến Đặng Vinh)	1.90	Pường Tứ Hạ
3	Xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Tứ Hạ mở rộng	31.79	Pường Tứ Hạ
4	Xây dựng nghĩa trang nhân dân tại Cồn Xoài, TDP 13 (phục vụ di dời mồ mã tại Khu công nghiệp)	5.40	Pường Hương Văn
5	Mở rộng khu dân cư Ruộng Cà tạo quỹ đất phục vụ tái định cư do di dời Khu Công nghiệp	5.70	Pường Hương Văn
6	Xây dựng đường nội thị số 1 giai đoạn 2 tại Tổ dân phố 4	0.50	Pường Hương Văn
7	Xây dựng mương thoát nước hạn chế ngập úng từ phường Tứ Hạ - Hương Văn	0.84	Pường Hương Văn, Pường Tứ Hạ
8	Xây dựng đường Bê tông tại Tổ dân phố 3 (từ đường Tránh đến Liễu Nam)	0.93	Pường Hương Xuân
9	Xây dựng Trạm bơm Long Khê	0.03	Pường Hương Vân
10	Mở rộng đường Phú Lâm	0.37	Pường Hương Chữ
11	Xây dựng lò mổ gia súc, gia cầm tập trung tại Tổ dân phố 7	3.00	Pường Hương An
12	Xây dựng đường Trung tâm phường Hương An	0.40	Pường Hương An
13	Xây dựng Trụ sở HĐND và UBND phường Hương Hồ tại Tổ dân phố 9	0.40	Pường Hương Hồ
14	Nhà văn hóa trung tâm xã Hương Vinh tại thôn Minh Thanh	1.03	Xã Hương Vinh
15	Dự án nâng cấp bờ kè chống xói lở tại Thôn Thanh Phước	0.54	Xã Hương Phong
16	Mở rộng đường nội đồng từ Hộ Dương - Phố Tư (HTX Thuận Hòa)	0.19	Xã Hương Phong
17	Mở rộng đường nội đồng từ xứ thứ 15 đến thứ 19 của HTX Vân An	0.20	Xã Hương Phong
18	Mở rộng đường Trung tâm xã Hương Toàn	0.53	Xã Hương Toàn
19	Xây dựng kho dự trữ Thừa Thiên Huế (của Cục dự trữ Nhà nước khu vực Bình Trị Thiên)	7.00	Xã Hương Thọ

20	Đường trục thôn tại thôn Thọ Bình	0.30	Xã Bình Thành
21	Đường quy hoạch khu dân cư tại thôn Thọ Bình	0.15	Xã Bình Thành
22	Nâng cấp mở rộng đường tại xã Bình Điền (từ Bình Lộc - Thuận Điền)	0.32	Xã Bình Điền
23	Mở rộng đường liên thôn Hải Tân - Bình Dương	0.51	Xã Hương Bình
24	Đường từ đường tránh phía Tây thành phố Huế đi điện Hòn Chén	6.50	Thị xã Hương Trà
25	Dự án xây dựng Mạch 2 đường dây 220kV Đông Hà - Huế, đoạn qua thị xã Hương Trà	1.25	Hương Vân, Hương Văn, Hương Xuân, Hương Chử, Hương An, Hương Hồ và Hương Thọ
26	Xây dựng hệ thống đường lâm nghiệp phục vụ trồng rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh	10.00	Thị xã Hương Trà
27	Xây dựng đường nội thị tuyến Lý Thái Tông - Nguyễn Như Kon Tum (Đặng Hữu Tâm)	0.15	Phường Tứ Hạ
28	Xây dựng hệ thống cấp điện khu tái định cư vùng Lim, thôn Chằm phường Hương Hồ	0.02	Phường Hương Hồ
29	Kè chống sạt lở sông Bồ đoạn qua các phường Hương Vân, Tứ Hạ	1.70	Thị xã Hương Trà





**PHỤ LỤC 2: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN  
CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2016**

(Đính kèm Quyết định số **527/QĐ-UBND** ngày **17/3/2016** của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm
<b>Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải chuyển mục đích sử dụng đất theo Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND</b>			
1	Xây dựng đường vào khu dân cư Tứ Hạ Tổ dân phố 1 (Từ CMT8 đến Đặng Vinh)	1.9	Phường Tứ Hạ
2	Xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Tứ Hạ mở rộng	31.79	Phường Tứ Hạ
3	Xây dựng đường nội thị số 1 giai đoạn 2 tại Tổ dân phố 4	0.5	Phường Hương Văn
4	Xây dựng mương thoát nước hạn chế ngập úng từ phường Tứ Hạ - Hương Văn	0.84	Phường Hương Văn
5	Xây dựng Trạm bơm Long Khê	0.03	Phường Hương Văn
6	Xây dựng lò mổ gia súc, gia cầm tập trung tại Tổ dân phố 7	3	Phường Hương An
7	Xây dựng Trụ sở HĐND và UBND phường Hương Hồ tại Tổ dân phố 9	0.4	Phường Hương Hồ
8	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Bao Vinh	0.1	Xã Hương Vinh
9	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Thủy Phú	0.1	Xã Hương Vinh
10	Nhà văn hóa trung tâm xã Hương Vinh tại thôn Minh Thanh	1.03	Xã Hương Vinh
11	Mở rộng đường nội đồng từ Hộ Dương - Phố Tư (HTX Thuận Hòa)	0.19	Xã Hương Phong
12	Mở rộng đường nội đồng từ xứ thứ 15 đến thứ 19 của HTX Vân An	0.2	Xã Hương Phong
13	Đường từ đường tránh phía Tây thành phố Huế đi điện Hòn Chén	6.5	Thị xã Hương Trà
14	Dự án xây dựng Mạch 2 đường dây 220kV Đông Hà - Huế, đoạn qua thị xã Hương Trà	1.25	Hương Vân, Hương Văn, Hương Xuân, Hương Chũ, Hương An, Hương Hồ và Hương Thọ
15	Dự án thuê đất làm mặt bằng xây nghiền đá của Công ty cổ phần Xây dựng giao thông Thừa Thiên Huế	4	Phường Hương Văn
16	Dự án xây dựng Showroom ô tô của Công ty TNHH Phước Lộc	3.9	Phường Hương Chũ

17	Cơ sở sản xuất kinh doanh tại thôn Địa Linh	0.5	Xã Hương Vinh
18	Mở rộng đất sản xuất kinh doanh	1.7	Xã Hương Vinh
19	Xây dựng cửa hàng xăng dầu tại xã Hương Toàn	0.18	Xã Hương Toàn
20	Chuyển mục đích sử dụng đất để quy hoạch đất ở xen cư tạo quỹ đất đấu giá quyền sử dụng đất tại các xã, phường	4.9	Các xã, phường

www.LuatVietnam.vn



**PHỤ LỤC 3: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN  
THU HỒI ĐẤT NĂM 2015 CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2016**

(Đính kèm Quyết định số **527**/QĐ-UBND ngày **17**/3/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

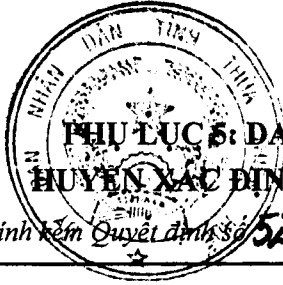
TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm
<b>Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất theo Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND</b>			
1	Mở rộng đường Giáp Thượng - Liễu Thượng Quê Chũ => Quốc lộ 1A	0.56	Xã Hương Toàn
		0.34	Phường Hương Chũ
2	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư thủy điện xã Hương Vinh	0.80	Xã Hương Vinh
3	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư đường Tỉnh lộ 12B phường Hương Hồ	2.60	Phường Hương Hồ
4	Đường vào trường bắn và thao trường bộ đội biên phòng tỉnh	2.70	Xã Hương Thọ
5	Cải tạo, nâng cấp hệ thống lưới điện trên toàn tỉnh	1.12	Thị xã Hương Trà
6	Kè chống sạt lở sông Bồ đoạn qua các phường Hương Vân, Tứ Hạ thuộc thị xã Hương Trà	1.7	Thị xã Hương Trà
7	Đường Nguyễn Hoàng và đường Nguyễn Văn Linh nối dài	5.16	Phường Hương An
8	Khu dân cư Hương An	31.16	Phường Hương An



**PHỤ LỤC 4: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH  
SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2015 CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2016**

(Đính kèm Quyết định số **527**/QĐ-UBND ngày **17**/3/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm
<b>Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải chuyển mục đích sử dụng đất theo Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND</b>			
1	Mở rộng đường Giáp Thượng - Liễu Thượng Quê Chử => Quốc lộ 1A	0.34	Phường Hương Chử
2	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư thủy điện xã Hương Vinh	0.80	Xã Hương Vinh
3	Đường vào trường bắn và thao trường bộ đội biên phòng tỉnh	2.70	Xã Hương Thọ
4	Nhà văn hoá thôn Triều sơn Trung	0.10	Xã Hương Toàn
5	Quy hoạch khu nghĩa địa nhân dân	3.00	Xã Hải Dương
6	Dự án mở rộng, nâng cấp đường Trà Kệ (19/5 cũ), đường Lê Thuyết	1.12	Phường Hương Xuân
7	Cải tạo, nâng cấp hệ thống lưới điện trên toàn tỉnh	1.12	Thị xã Hương Trà
8	Đường Nguyễn Hoàng và đường Nguyễn Văn Linh nối dài	5.16	Thị xã Hương Trà
9	Chỉnh trang cửa ngõ phía Bắc thành phố Huế	1.09	Phường Hương Chử
		0.93	Phường Hương An



**PHỤ LỤC 5: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN DO CẤP  
HUYỆN XÁC ĐỊNH TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2016**

(Đính kèm Quyết định số **527/QĐ-UBND** ngày **17/3/2016** của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm
<b>Công trình, dự án được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất tỉnh Thừa Thiên Huế</b>			
1	Trụ sở công an phường Hương Chữ	0.15	Phường Hương Chữ
2	Trụ sở công an phường Hương Xuân	0.15	Phường Hương Xuân
3	Trụ sở công an phường Hương Vãn	0.15	Phường Hương Vãn
<b>Công trình, dự án do cấp huyện xác định</b>			
1	Chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất và đất trồng cây lâu năm sang xây dựng mô hình trang trại	20.00	Các xã, phường
2	Khu chuyên canh trồng rau sạch (gần trại thí nghiệm của trường Nông lâm Huế)	3.00	Phường Hương Vãn
3	Mở rộng nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ và các chế phẩm sinh học công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quế Lâm	0.15	Phường Tứ Hạ
4	Xây dựng cơ sở sản xuất bao bì Carton Hữu Nghị tại Cụm công nghiệp Tứ Hạ	0.80	Phường Tứ Hạ
5	Xây dựng cơ sở gia công sản xuất giấy và khăn giấy cao cấp các loại (Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và sản xuất Khánh Như)	0.4	Phường Tứ Hạ
6	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu thương mại dịch vụ tại Tổ dân phố 10	0.81	Phường Tứ Hạ
7	Dự án xây dựng nhà máy gia công giấy các loại	0.5	Phường Tứ Hạ
8	Dự án xây dựng Nhà máy nước sạch (của Công ty TNHH NN1TV xây dựng và cấp nước TT.Huế)	5.1	Phường Hương Vãn
9	Xây dựng lò mổ gia súc, gia cầm (thôn Giáp Kiên)	0.15	Xã Hương Toàn
10	Dự án đầu tư xây dựng làm mặt bằng bãi đỗ xe, nhà kho trung chuyển và văn phòng làm việc (Doanh nghiệp tư nhân Tuyết Liêm)	2.4	Xã Hương Thọ
11	Bãi tập kết cát, sỏi ở thôn Thọ Bình	0.3	Xã Bình Thành

12	Cơ sở sản xuất hàng mộc mỹ nghệ dân dụng tại Cụm làng nghề Xước Dũ	0.08	Phường Hương Hồ
13	Mở rộng khu mỏ đá Khe Ly và các hạng mục phụ trợ của HTX Xuân Long 2	6.85	Xã Hương Thọ
14	Đường dân sinh cầu Đồng Bằng (Tổ dân phố 8)	0.2	Phường Hương An
15	Nâng cấp mở rộng đường từ Tứ Hạ lên trung tâm phường Hương Vân (đoạn từ đường Trần Hữu Độ đến đường Trần Trung Lập)	0.21	Phường Hương Vân
16	Nâng cấp mở rộng đường Khe Trái nối dài trạm bơm Hương Vân (TDP 10)	0.79	Phường Hương Vân
17	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường An Thuận - Vân Cù (rộng 5,5 m, dài 2000 m, dọc sông Bồ)	1.10	Xã Hương Toàn
18	Chỉnh trang hói và làm đường bê tông Tổ dân phố 4	0.15	Phường Tứ Hạ
19	Mở rộng trường mầm non Hương Văn cơ sở 2	0.18	Phường Hương Văn
20	Sân thể thao (thôn Thai Dương)	0.21	Xã Hải Dương
21	Đất ở đấu giá Thai Dương Thượng Đông	0.57	Xã Hải Dương
22	Đất ở xen ghép thôn Vân Quạt Đông	0.02	Xã Hương Phong
23	Đất ở đấu giá thôn Minh Thanh, Triều Sơn Nam, Triều Sơn Đông, khu vực Giao Môn thôn Địa Linh, Thế Lại Thượng	0.89	Xã Hương Vinh
24	Đất ở đấu giá thôn La Khê Trẹm, xen ghép thôn Hòa An	0.45	Xã Hương Thọ
25	Đất ở xen ghép tại thôn Giáp Trung (sau trường mầm non)	0.17	Xã Hương Toàn
26	Đất ở đấu giá thôn Thọ Bình (dọc khu Quốc lộ 49)	0.6	Xã Bình Thành
27	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất sản xuất kinh doanh sang đất ở kết hợp dịch vụ	0.40	Phường Tứ Hạ
28	Đất ở xen ghép khu dân cư vùng Ép Lạc cũ (Tổ dân phố 10); Hạ tầng kỹ thuật tạo quỹ đất ở tại khu đất Lương thực cũ, trường mầm non cũ, khu tập thể giáo dục cũ; đất ở sau chợ Tứ Hạ (Tổ dân phố 8); khu quy hoạch tái định cư Quốc lộ 1 và đấu giá tại Tổ dân phố 4; đất ở xen ghép Tổ dân phố 8	3.70	Phường Tứ Hạ
29	Khu quy hoạch vùng Kiện Thượng, Tổ dân phố 1; đất ở đấu giá khu tái định cư Quốc lộ 1	0.94	Phường Hương Văn



30	Đất ở đầu giá Tổ dân phố 8 và 9 (dãy 2); khu tái định cư Quốc lộ 1; Tổ dân phố 14 và 5	1.52	Phường Hương Xuân
31	Đất ở xen ghép tại Tổ dân phố 4 và 1; Tổ dân phố 6 và 7; Tổ dân phố 4 và 5	1.9	Phường Hương An
32	Đất ở đầu giá Tổ dân phố 8	0.14	Phường Hương Hồ
33	Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất ở cho các hộ gia đình cá nhân	8.58	Các xã, phường
34	Đất ở đầu giá được chuyển từ các trường học, y tế cũ	1.24	Xã Hương Thọ
			Xã Hương Toàn
			Xã Hương Bình
			Phường Hương Chữ
			Phường Hương Hồ
35	Xây dựng trụ sở HĐND và UBND xã	0.41	Xã Hồng Tiến
36	Xây dựng trung tâm công nghệ sinh học Quốc gia miền Trung tại Đại học Huế	20	Xã Hương Thọ
37	Mở rộng nghĩa trang phường	1.20	Phường Tứ Hạ
38	Bãi thải và Văn phòng làm việc của Công ty Cổ phần Trường Sơn	4.86	Phường Hương Vân
39	Mở rộng nhà sinh hoạt cộng đồng Tổ dân phố 10	0.02	Phường Tứ Hạ
40	Chuyển đất giáo dục (trường tiểu học) sang đất sinh hoạt cộng đồng (thôn Liên Bằng)	0.04	Xã Hương Thọ

**PHỤ LỤC 6: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN DO HUYỆN XÁC ĐỊNH TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2015 CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2016**

*(Đính kèm Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*



STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm
<b>Công trình, dự án được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất tỉnh Thừa Thiên Huế</b>			
1	Trụ sở công an phường Hương Hồ	0.12	Phường Hương Hồ
<b>Công trình, dự án do cấp huyện xác định</b>			
1	Xây dựng khu chăn nuôi tổng hợp	8.60	Phường Hương An
2	Khu dịch vụ tổng hợp (khu ao cá trung tâm thị xã)	21.70	Phường Tứ Hạ
3	Xây dựng lò mổ tập trung (thôn Đông Hòa)	0.20	Xã Bình Điền
4	Mở rộng trường tiểu học số 1 Tứ Hạ	0.85	Phường Tứ Hạ
5	Mở rộng trường mầm non Hương Xuân (Tây Xuân)	0.28	Phường Hương Xuân
6	Mở rộng trường THCS Nguyễn Khánh Toàn	0.30	Phường Hương Xuân
7	Xây dựng trường mẫu giáo Hương Vân (Tổ dân phố 10)	0.10	Phường Hương Vân
8	Đất ở đầu giá thôn Liên Bằng	0.50	Xã Hương Thọ
9	Đất ở khu vực thôn Đông Hòa	0.33	Xã Bình Điền
10	Đất ở khu vực thôn Hòa Cát	1.00	Xã Bình Thành
11	Đất ở dọc đường Đặng Vinh (tổ dân phố 5)	2.50	Phường Tứ Hạ
12	Đất ở đầu giá tổ dân phố 8,11	0.59	Phường Hương Hồ
13	Mở rộng nghĩa trang liệt sĩ phường Hương Xuân	0.05	Phường Hương Xuân
14	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng Tổ dân phố 2	0.08	Phường Tứ Hạ
15	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng Tổ dân phố 12	0.10	Phường Hương Hồ

